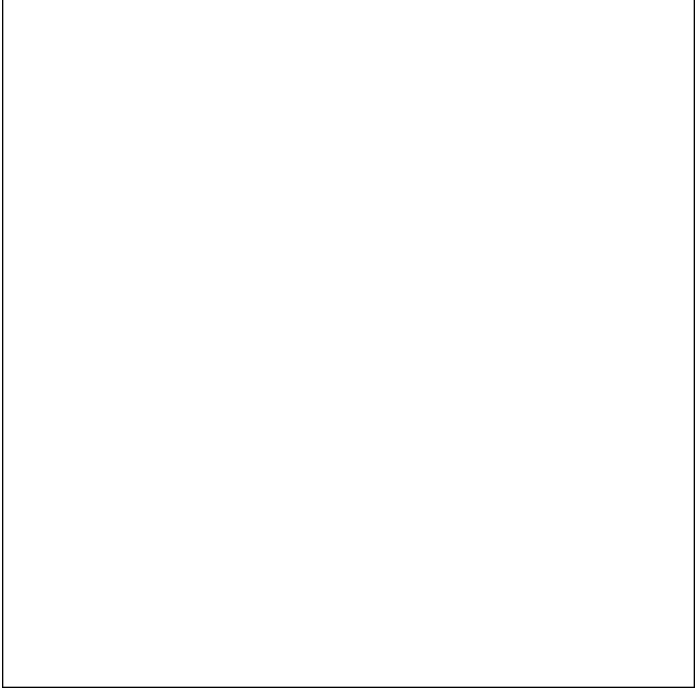






Sự trả thù của chim săn mât
La revanche de l'indicateur



 Zulu folktale
 Wiehan de Jager
 Phuong Nguyen
 Vietnamese / French
|| Level 4

(imageless edition)



Storybooks Canada

storybookscanada.ca

Sự trả thù của chim săn mât / La revanche
de l'indicateur

Written by: Zulu folktale

Illustrated by: Wiehan de Jager

Translated by: Phuong Nguyen (vi), Alexandra

Danahy (fr)

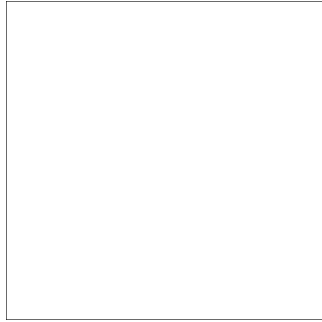
This story originates from the African Storybook
(africanstorybook.org) and is brought to you by
Storybooks Canada in an effort to provide children's
stories in Canada's many languages.



This work is licensed under a Creative Commons

[Attribution 3.0 International License](https://creativecommons.org/licenses/by/3.0).

<https://creativecommons.org/licenses/by/3.0>



Đây là câu chuyện về Ngede, chim săn mật, và một người thanh niên tham lam tên Gingile. Một ngày nọ, khi Gingile đi săn, anh ấy nghe tiếng gọi của Ngede. Miệng của Gingile bắt đầu chảy nước vãi khi nghĩ tới mật ong. Anh bèn dừng lại và lắng nghe cẩn thận, rồi tìm cho đến khi anh thấy chim trên những cành cây trên đầu mình. Chim kêu: “Chitik-chitik-chitik” khi nó bay từ cành này sang cành khác. Nó kêu: “Chitik-chitik-chitik” và thỉnh thoảng dừng lại để chắc rằng Gingile đi theo mình.

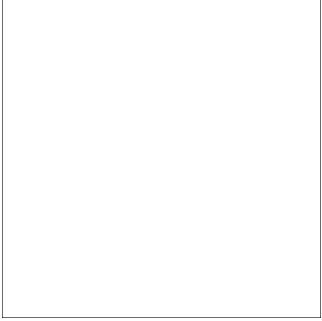
...

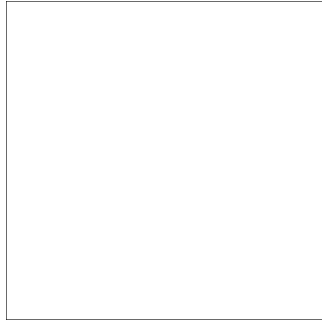
Voici l’histoire de Ngede l’indicateur et un jeune homme avide nommé Gingile. Un jour, lorsqu’il chassait, Gingile entendit l’appel de Ngede. Gingile commença à saliver en pensant au miel. Il arrêta et écouta attentivement, fouillant jusqu’à ce qu’il trouve l’oiseau dans les branches au-dessus de sa tête. « Chitik-chitik-chitik, » le petit oiseau ébranla, en volant d’un arbre à l’autre. « Chitik-chitik-chitik, » il lança, arrêtant de temps en temps pour s’assurer que Gingile le suivait.

Après une heure et demie, ils atteignirent un figuier sauvage énorme. Ngede sautilla éperdument parmi les branches. Il s'installa ensuite sur une branche et inclina sa tête vers Gingile comme pour dire, « Le voici ! Viens vite ! Qu'est-ce qui te prend autant de temps ? » Gingile ne pouvait pas voir d'abeilles du dessous de l'arbre, mais il avait confiance en Ngede.

...

Sau nửa giờ, họ tới một cây sung dài to. Ngede nhảy từ cành cây này sang cành cây khác liên tục. Sau đó, nó đậu trên một cành cây và nghiêng đầu nhìn Gingile như thể để nói rằng: "Chỗ này này! Đến đây ngay! Anh làm gì mà lâu thế?" Gingile không thấy ong ở dưới cây, nhưng anh tin tưởng vào Ngede.





Thế là Gingile để cây giáo đi sẵn dưới cây, gom vài cành cây khô và nhóm một đống lửa nhỏ. Khi lửa đã cháy mạnh, anh đặt một cây khô dài vào giữa đống lửa. Loại gỗ này đặc biệt nổi tiếng là tạo ra rất nhiều khói khi cháy. Anh bắt đầu leo lên cây, miệng ngậm đầu ngụy của cái cây đang bốc khói.

...

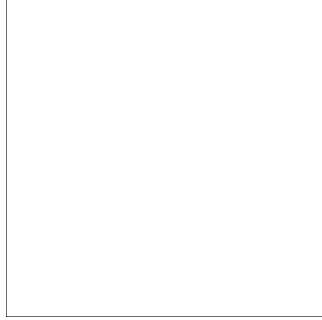
Alors, Gingile déposa sa lance sous l'arbre, recueilli des brindilles séchées et alluma un petit feu. Un coup que le feu brûlait bien, il mit une longue branche au cœur du feu. Ce bois était connu pour la fumée qu'il créait quand il brûlait. Gingile commença à grimper, tenant entre ses dents le bout froid de la branche qui fumait.

Chàng mấy chốc, anh nghe tiếng bay vu vù rất lớn của đàn ong. Chúng bay ra, bay vào từ cái lỗ trống trên thân cây, nơi cũng là tổ của chúng. Khi Gíngile leo tới tổ ong, anh bèn để cái đầu cây đang bóc khỏi vào lỗ trống đó. Đàn ong bay ra và rất giận dữ. Chúng bay đi vì chúng không thích khỏi, nhưng chỉ bay đi sau khi chúng đốt cho Gíngile vùi!

mũi dau điếng!

...

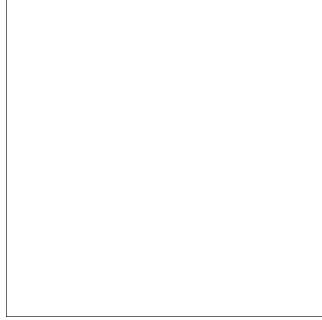
Bientôt il pouvait entendre le bourdonnement bruyant des abeilles chargées. Elles rentraient et sortaient d'un creux dans le tronc d'arbre - leur ruche. Lorsque Gíngile rejoint la ruche il mit le bout fumant de la branche dans le creux. Les abeilles sortirent, fâchées et méchantes. Elles s'envolèrent parce qu'elles n'aimaient pas la fumée - mais pas avant d'avoir donné des piqûres douloureuses à Gíngile !

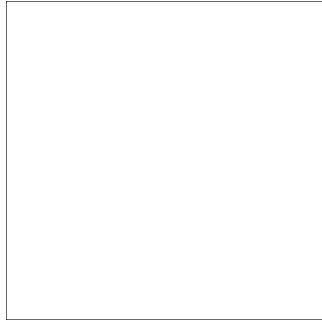


Và vì thế, khi trẻ con vùng Gíngile nghe câu chuyện về Ngede, các em rất tôn trọng con chim bê nhỏ này. Bất kể khi nào lấy mật, các em đều bảo đảm mình để lại miếng tổ ong to nhất cho chim săn mật!

...

Ainsi, quand les enfants de Gíngile entendent l'histoire de Ngede ils respectent le petit oiseau. Chaque fois qu'ils récoltent du miel, ils s'assurent de laisser la plus grande partie du rayon pour l'indicateur !

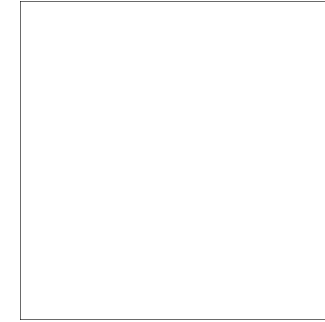




Khi ong đã bay đi rồi, Gingile thò tay vào tổ ong. Anh lấy một nắm tay tổ ong nhỏ đầy mật vàng và những ấu trùng ong trắng béo. Anh cẩn thận đặt tổ ong vào cái túi mang theo trên vai và bắt đầu leo xuống.

...

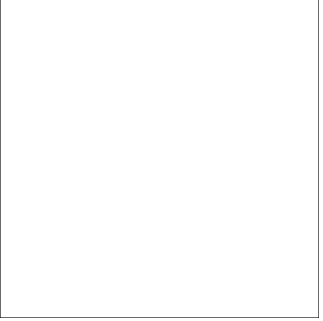
Quand les abeilles furent sorties, Gingile enfonça ses mains dans le nid. Il sortit des poignées du nid desquelles s'écoulaient du miel riche et des larves grasses et blanches. Il mit le nid soigneusement dans la besace il portait sur son épaule et commença à descendre de l'arbre.



Trước khi Báo có thể vồ được Gingile, anh ta đã trèo vội xuống. Trong lúc vội vã, anh ta bước trượt qua một cành cây, rơi thịch xuống đất và bị trẹo mắt cá. Anh ta nhảy cò cò đi nhanh hết sức mình. May cho anh ta là Báo vẫn còn buồn ngủ nên không đuổi theo. Chim săn mật Ngede đã trả thù thành công. Và Gingile học được một bài học.

...

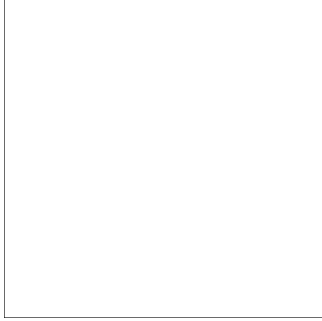
Avant que Léopard puisse s'en prendre à Gingile, ce dernier se précipita en bas de l'arbre. Dans son empressement, il manqua une branche et atterrit par terre avec un bruit sourd, tordant sa cheville. Heureusement pour lui, Léopard était encore trop endormi pour le poursuivre. Ngede, l'indicateur, eu sa revanche. Et Gingile retint sa leçon.



Ngede phàn khởi quan sát tất cả mọi điều mà Gिंगile làm. Nó đang chờ Gिंगile để lại cho nó một miếng tổ ong to như là một lời cảm ơn tới chim săn mât. Ngede nhảy nhót từ cành này sang cành khác, càng lúc càng bay gần tới mât đất. Cuối cùng, Gिंगile cũng tới gốc cây. Ngede dựa trên một hòn đá gần Gिंगile và chờ phần thưởng của mình.

...

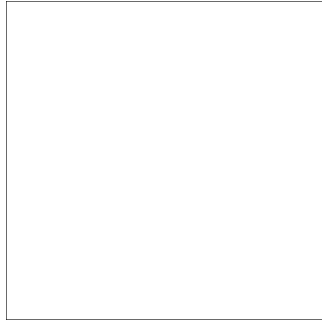
Ngede regardait avec impatience tout ce que Gिंगile faisait. Il attendait qu'il laisse un gros morceau de nid d'abeille comme signe de remerciement pour l'indicateur. Ngede voltigeait de branche en branche, de plus en plus près du sol. Finalement, Gिंगile arriva au pied de l'arbre. Ngede se percha sur une roche près du garçon et attendit sa récompense.



Gिंगile leo lên, từ hỏi vì sao mình không nghe tiếng bay vù vù của ong như bình thường. Anh từ nghĩ rằng: "Có thể tổ ong nằm sau không cái cây này." Anh leo lên một cành nữa. Nhưng thay vì tổ ong, anh ta lại nhìn vào mât của một con báo! Báo rất giận dữ vì giấc ngủ của mình bị người khác làm gián đoạn một cách thô lỗ như vậy. Nó nhìn mât lại, há mồm ra để lộ những chiếc răng rât to và rât nhọn.

...

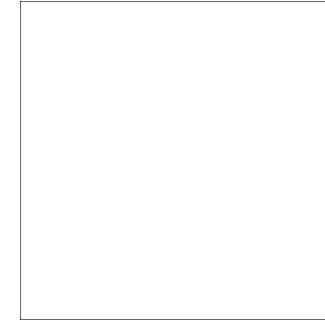
Gिंगile grimpa, se demandant pourquoi il n'entendait pas le bourdonnement habituel. « Peut-être que la ruche est très profonde dans l'arbre, » se dit-il. Il se remonta sur une autre branche. Mais au lieu de la ruche, il arriva face-à-face avec le visage d'un léopard ! Léopard était très fâché que son sommeil ait été interrompu si brusquement. Elle plissa ses yeux et ouvrit sa bouche pour révéler ses grandes dents pointues.



Nhưng Gingile dập tắt lửa, cầm ngọn giáo lên và bắt đầu đi về nhà, không quan tâm gì đến chim cả. Ngede kêu lên một cách tức giận: “VIC-torr! VIC-torr!” Gingile dừng lại, nhìn chằm chằm vào con chim nhỏ và cười to: “Này anh bạn, anh cũng muốn có một ít mật đúng không? Ha! Nhưng tôi làm tất cả mọi việc và bị ong đốt. Tại sao tôi lại phải chia phần mật ngon này với anh?” Sau đó, anh ta bỏ đi. Ngede vô cùng tức tối! Đây không thể nào là cách người ta đối xử với nó được! Nhưng nó sẽ trả thù.

...

Mais Gingile éteint le feu, ramassa sa lance et commença à rentrer chez lui, en ignorant l’oiseau. Ngede lança, fâché, « VIC-torr ! VIC-torr ! » Gingile arrêta, dévisagea le petit oiseau et éclata de rire. « Tu veux du miel, mon ami ? Ha ! Mais c’est moi qui ai fait tout le travail et reçu toutes les piqûres. Pourquoi est-ce que je devrais partager ce miel avec toi ? » Et il quitta. Ngede était furieux ! Cela n’était aucune manière de le traiter ! Mais il aurait sa revanche.



Một ngày nọ vài tuần sau đó, Gingile lại nghe tiếng kêu của Ngede. Anh ta nhớ tới mật ong ngon ngày nào, và lại hồ hởi đi theo chim. Sau khi dẫn Gingile đi dọc theo bờ rừng, Ngede dừng lại và đậu trên một cây keo to. Gingile nghĩ rằng: “À, tổ ong nhất định là ở trên cây này rồi.” Anh ta nhanh chóng nhóm một đống lửa nhỏ và bắt đầu trèo lên, miệng ngậm một cành cây đang bốc khói. Ngede đậu và quan sát.

...

Un jour, plusieurs semaines plus tard, Gingile entendit de nouveau l’appel de Ngede. Il se souvint du miel délicieux et suivi avec impatience l’oiseau une fois de plus. Après avoir mené Gingile le long de la forêt, Ngede arrêta pour se reposer dans un acacia faux-gommier. « Aah, » pensa Gingile. « La ruche doit être dans cet arbre. » Il parti rapidement son petit feu et commença à grimper, la branche fumante entre ses dents. Ngede, assis, le regardait.